

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

Bản án số: **75/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Thái;

2. Ông Nguyễn Đức Duy;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Phượng Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **76/2025/QĐXXST-HNGĐ** ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Trước là địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Trước là địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(có mặt chị H, vắng mặt anh S)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình cùng ngày 15/4/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Trần Thị Tuyết H** trình bày:*

Chị Trần Thị Tuyết H và anh Nguyễn Ngọc S là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND xã T 3, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, ngày 17/5/2017.

Sau khi kết hôn, chị và anh S sống chung bên gia đình chồng, đến đầu năm 2021 thì cả hai thuê trọ sinh sống ở gần khu công nghiệp L để tiện đi làm. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2025 thì chị và anh S không sống chung nữa, do quá trình chung sống cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân do anh S ham mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều người, gia đình chị có giúp đỡ anh S trả xong nợ, nhưng sau đó anh lại tiếp tục gây nợ. Ngoài ra, chị còn cho rằng anh S đã từng không chung thủy với chị, hôn nhân đôi bên còn tồn tại mà anh S lại “qua lại tình cảm” với người phụ nữ khác, làm chị tổn thương. Chị và cha mẹ hai bên có khuyên anh S nên sửa đổi tính tình theo chiều hướng tốt hơn, nhưng không thể được.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh H1**, sinh ngày 18/3/2016 và **Nguyễn Khánh L**, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tuy anh S không yêu cầu nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền là 1.000.000đồng/tháng/con; bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có.

** Trong bản tự khai ngày ngày 15/8/2025 và trong quá trình tố tụng, bị đơn **Nguyễn Ngọc S** trình bày:*

Anh S thật sự không muốn ly hôn với chị H vì còn thương vợ con. Anh không biết lý do gì mà chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh. Anh S cho rằng tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, nay nếu chị H kiên quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung **Nguyễn Thanh H1**, sinh ngày 18/3/2016 và **Nguyễn Khánh L**, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, nếu chị H muốn nuôi cả hai con chung thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.500.000đồng/con/tháng; còn nếu chị H đồng ý để anh tiếp tục nuôi thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, chị H muốn lo cho con chung thì tùy chị H, anh S không ngăn cản.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay

- Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh S.

- Anh S có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn đề ngày 15/8/2025);

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp trình bày ý kiến:

+ Về phần thủ tục, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn đề ngày 15/8/2025), căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Tuyết H và anh Nguyễn Ngọc S xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là UBND xã T 3, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, ngày 17/5/2017.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày nguyên nhân chính chị quyết định ly hôn với anh S là vì có nhiều mâu thuẫn phát sinh giữa hai vợ chồng mà cả hai không thể nào giải quyết được, nguyên nhân chính xuất phát từ anh S, anh ham mê cờ bạc, không chăm lo tốt cho gia đình và vợ con, cũng vì cờ bạc mà anh mắc nợ nhiều người, khi được người thân giúp anh trả nợ xong thì anh lại tiếp tục gây nợ nữa. Cha mẹ hai bên và chị H không thể nào khuyên anh được nên từ đó mà vợ chồng thường cãi nhau, dần dần chị không còn tình cảm với anh S và quyết định ly hôn anh. Chị và anh S đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay.

Đối với anh S, mặc dù anh trình bày là còn thương vợ con, nhưng xét thấy anh cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H, thể hiện qua việc anh vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, phiên tòa sơ thẩm và anh cũng đồng ý ly hôn với chị H do chị H kiên quyết ly hôn anh (bút lục số 16).

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S như chị H trình bày có một phần phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 04/9/2025 (bút lục số 19).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn anh S của chị H là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung **Nguyễn Thanh H1**, sinh ngày 18/3/2016 và **Nguyễn Khánh L**, sinh ngày 01/01/2018. Xét thấy, khi ly hôn, chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Hai con chung sinh sống bên nội từ khi sinh ra đến nay, hai cháu cũng có

nguyện vọng được sống chung với anh S, anh S cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh cũng muốn được nuôi 02 con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mọi mặt của 02 con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 02 con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 02 con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/con/tháng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành và lao động được.

[6] *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa, chị H trình bày không có. Tại bản khai ngày 15/8/2025, anh S cho rằng tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lời trình bày này của các đương sự là mâu thuẫn nhau, tuy nhiên do không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có tranh chấp thì cả hai có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] *Về nợ chung*: Các đương sự trình bày không có, nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp, xét thấy phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Trần Thị Tuyết H** đối với bị đơn **Nguyễn Ngọc S**.

- ***Về hôn nhân:*** Chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

- ***Về con chung:*** Có 02 con chung tên **Nguyễn Thanh H1**, sinh ngày 18/3/2016 và tên **Nguyễn Khánh L**, sinh ngày 01/01/2018. Khi ly hôn, tiếp tục giao 02 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành và lao động được.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 02 con chung theo luật định, không ai được quyền cản trở.

- ***Về cấp dưỡng nuôi con chung:*** Chị Trần Thị Tuyết H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đồng/cháu/tháng, thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên, thì chị H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí:

Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001597 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị H còn phải nộp thêm 300.000đồng án phí.

3/ Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Tuyết H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV 3 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phước 3, Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu HSAV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI